|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN****XÃ LÂM HỢP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: ..../KH-UBND | *Lâm Hợp, ngày 21 tháng 6 năm 2022* |

**KẾ HOẠCH CHI TIẾT**

**Triển khai Chương trình chuyển đổi số (ngành/đơn vị), giai đoạn 2022-2025**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Các nội dung, nhiệm vụ triển khai** | **Đơn vị phối hợp/Hướng dẫn triển khai** | **Thời gian thực hiện***(tháng,năm - tháng, năm)*  | **Dự kiến kinh phí thực hiện** | **Ghi chú** |
| **Ngân sách đơn vị** | **Ngân sách đề nghị cấp trên hỗ trợ** | **Tổng kinh phí** |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)=(5)+(6)* | *(8)* |
| 1 | Thành lập Ban Chỉ đạo chuyển đổi số xã | UB,MTTQ | 03/2022 -2025 |  |  |  |  |
| 2 | Xây dựng Kế hoạch và tổ chức thực hiện tuyên truyền, tập huấn về chuyển đổi số cho cán bộ công chức, người dân, doanh nghiệp, HXT trên địa bàn xã. | Trung tâm CNTT tỉnh; Phòng VHTT; VNPT. | 10/2022 - 2025 | 10.000.000 | 20.000.000 | 30.000 |  |
| 3 | Tập huấn nâng cao trình độ CNTT, ATTT, sử dụng các hệ thống thông tin của tỉnh cho các cán bộ chuyên trách, công chức xã | Trung tâm CNTT tỉnh; Phòng VHTT ; Đơn vị VNPT | 11/2022 -2025 | 10.000.000 | 20.000.000 | 30.000.000 |  |
| 4 |  Đầu tư trang thiết bị phần mềm CNTT cho cán bộ công chức | Phòng VH ; VNPT | 12/2022 -2025 | 50.000.000 | 150.000.000 | 200.000.000 |   |
| 5 |  Mua sắm trang thiết bị phòng họp trực tuyến | Phòng văn hóa: Đơn vị VNPT  | 12/2022 -2025 | 100.000.000 | 200.000.000 | 300.000.000 | Phòng họp;Tivi+ loa máy  |
| 6 |  Đầu tư nân cấp hệ thống truyền thanh thông minh | Sở TTTT tỉnh;Phòng văn hóa ; Công ty Mây việt | 02/2023 - 2025 | 50.000.000 | 600.000.000 | 650.000.000 |  Nân cấp |
| 7 |  Nâng cấp hệ thống mạng ở cơ quan ủy ban; Công an xã | Dơn vị VNPT | 10/2022-2025 | 15.000.000 |  | 15.000.0000 |  |
| 8 |  Tập huấn chuyển đổi số cho người dân | Trung tâm CNTT tỉnh; Phòng VHTT | 02/2023 - 2025 | 20.000.000 | 50.000.000 | 70.000.000 |  Tập huấn tai các thôn |
| 9 |  Hỗ trợ các cơ quan doanh nghiệp và cơ quan trường học,mua sắm trang thiết bị CNTT | Phòng văn hóa ; Phòng GD&ĐT | 5/2023 - 2025 | 10.000.000 | 100.000.000 | 1.10.000.000 |   |
| 10 |  Hỗ trợ các đơn vị thôn xóm lắp đặt các trang thiết bị CNTT để hình thành mô hình làng xã thông minh | Phòng văn hóa ; VNPT | 6/2023 – 2025 | 60.000.000 | 240.000.000 | 300.000.000 |  12 thôn  |
| 11 |  Hỗ trợ người dân nghèo; đối tượng BTXH mau điện thoai thông minh | Phòng LĐTBXH, UB MTTQ | 6/2023 - 2025 | 5.000.000 | 50.000.000 | 55.000.000 | Xã hội hóa |
| 12 | Trạm y tế xã triển khai Hệ thống Quản lý Trạm Y tế xã, phường theo Quyết định 3532/QĐ-BYT của Bộ Y tế | TT Y tế huyện; VNPT | 8/2023 -2025 | 20.000.000 | 50.000.000 | 70.000.000 |  |
| 13 | Chuyển đổi số hoạt động Thư viện xã, các cơ quan, đơn vị, trường học… | Phòng VHTT; Phòng GD&ĐT | 10/2023 -2025 | 20.000.000 | 50.000.000 | 70.000.000 |  |
| 14 | Đầu tư Hệ thống camera giám sát phục vụ công tác quản lý bảo đảm an ninh, trật tự và ATGT trên địa bàn xã | Công an huyện; Máy tính Hoàng Kỳ; VNPT | 7/2022 - 2025 | 200.000.000 | 100.000.000 | 300.000.000 | 12 thôn |
|  | **Tổng cộng** |  |  | **570.000.000** | **1.630.000.000** | **2.200.000.000** |   |

**Bằng chữ: *( Hai tỷ hai trăm triệu đồng )***

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- UBND huyện;- Phòng VH-TT huyện;*Gửi văn bản điện tử./.* | **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ****Phạm Thái Hoa** |